

Bản án số: 47/2026/HSST

Ngày: 30/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đức Giang và Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2026/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST - QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 18/05/1969 tại **xã D, tỉnh Nghệ An**. Nơi cư trú: **xóm H, xã D, tỉnh Nghệ An**. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12. Họ và tên cha: **Trần Văn P**, đã chết. Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị N**, đã chết. Anh, chị, em ruột: Có 08 (tám) người, **H** và tên chồng: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1967, đã chết. Con: Có 04 (bốn) người, lớn nhất 34 tuổi, nhỏ nhất 22 tuổi.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An **Trần Thị T** bị xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Đánh bạc”. Đình chỉ xét xử phúc thẩm tại bản án số 915/2022/HS-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hiện đang chấp thời gian thử thách của án treo tại **xã D, tỉnh Nghệ An**.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 30/12/2025 đến ngày 5/1/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Trú tại: **K, xã D, tỉnh Nghệ An**

- Chị **Trần Thị H1**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Trú tại: xóm Y, xã D, tỉnh Nghệ An.

- Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Trú tại: xóm N, xã D, tỉnh Nghệ An.

- Bà Phan Thị H3, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Trú tại: xóm B, xã D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 12/2025, Trần Thị T sử dụng tiền của mình trực tiếp cho các cá nhân là: Trần Thị H1, sinh năm 1989, trú tại xóm Y, xã D, tỉnh Nghệ An; Nguyễn Hồng S, sinh năm 1989, trú tại khối B, xã D, tỉnh Nghệ An; Hoàng Thị H2, sinh năm 1976, trú tại xóm N, xã D, tỉnh Nghệ An và Phan Thị H3, sinh năm 1981, trú tại xóm B, xã D, tỉnh Nghệ An vay tiền với mức lãi 3.000 đồng/ 1.000.000đ/01ngày, tương đương lãi suất 182.5%/ 01 năm, cao gấp hơn 9,1 lần so với mức thu lãi hợp pháp là không vượt quá 20%/1 năm (Điều 468 Bộ luật dân sự 2015). Cụ thể như sau:

1. Đối với khoản vay của chị Trần Thị H1: Ngày 24/6/2025, Trần Thị T cho Trần Thị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000.000 đồng/30 ngày, tương đương với mức lãi suất 0,5%/ngày và tương đương với mức lãi suất 182,5%/ năm. Sau khi trừ tiền lãi kỳ đầu, Trần Thị H1 nhận 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng tiền mặt). Tính đến ngày 30/12/2025, chị H1 phải trả cho Trần Thị T số tiền lãi là (07 lần x 3.000.000 đồng) = 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng). Đến ngày 01/12/2025, đối với khoản vay này, Trần Thị T đã thu của Trần Thu H4 là 06 lần tiền lãi, mỗi lần 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), tổng là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Chị H4 trả tiền lãi bằng hình thức đưa tiền mặt trực tiếp và chuyển qua số tài khoản 100879999936 Ngân hàng V1 của T. Hiện H4 còn nợ Trần Thị T 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) bao gồm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền lãi vay lần thứ 07. Số tiền lãi tối đa Trần Thị T thu được theo quy định là 2.301.369 đồng (Hai triệu ba trăm linh một nghìn ba trăm sáu chín đồng). Vậy, đối với khoản vay chị H4 vay của Trần Thị T thì Trần Thị T đã thu lợi bất chính số tiền: 18.698.630 đồng (mười tám triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

2. Đối với khoản vay của anh Nguyễn Hồng S Ngày 11/8/2025 Trần Thị T cho Nguyễn Hồng S vay số tiền 20.000.000 đồng trong 30 ngày với lãi suất 3.000.000 đồng tương đương với mức lãi suất 0,5%/ ngày và tương đương với mức lãi suất 182,5%/ năm. Trong ngày 12/8/2025, T cho S vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng trừ trước 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền lãi, T sử

dùng số tài khoản 100879999936 Ngân hàng V1 của T chuyển số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) đến số tài khoản 59442997799 Ngân hàng M của anh S tên Nguyễn Hồng S1. Đến ngày 30/12/2025, anh S1 phải trả cho Trần Thị T số tiền lãi là $(05 \text{ lần} \times 3.000.000 \text{ đồng}) = 15.000.000 \text{ đồng}$ (Mười lăm triệu đồng). Đến ngày 17/12/2025, anh S1 đã trả đủ tiền lãi 5 lần cho T dưới hình thức bị khấu trừ ban đầu và chuyển khoản vào số tài khoản 100879999936 Ngân hàng V1 của T và hiện nay anh S1 còn nợ Trần Thị T tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi tối đa Trần Thị T thu được theo quy định là 1.643.835 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).

Vậy, đối với các khoản vay của anh S1 thì Trần Thị T đã thu lợi bất chính số tiền 13.356.164 đồng (Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng).

3. Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị H2 ngày 04/11/2025, Trần Thị T cho Hoàng Thị H2 vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trong thời gian 30 ngày với lãi suất 3.000.000 đồng tương đương với mức lãi suất 0,5%/ ngày và tương đương với mức lãi suất 182,5%/ năm. Sau khi trừ đi tiền lãi kỳ đầu, Hoàng Thị H2 nhận 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) tiền mặt từ Trần Thị T. Tính đến ngày 02/01/2026, chị H2 phải trả cho Trần Thị T số tiền lãi là $02 \text{ lần} \times 3.000.000 \text{ đồng} = 6.000.000 \text{ đồng}$ (Sáu triệu đồng). Đến ngày 29/12/2025, chị H2 đã trả đủ tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) dưới hình thức khấu trừ ban đầu và hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 19767777 Ngân hàng E mang tên Hoàng Thị H2 vào số tài khoản 100879999936 Ngân hàng V1 của T và hiện nay chị H2 còn nợ Trần Thị T số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Số tiền lãi tối đa Trần Thị T thu được theo quy định là 657.534 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng). Tổng số tiền lãi Trần Thị T thu được từ chị Hoàng Thị H2 là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Vậy, xác định số tiền Trần Thị T thu lợi bất chính đối với khoản vay này là 5.342.466 (năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

4. Đối với khoản vay của chị Phan Thị H5 ngày 21/12/2025, Trần Thị T cho chị Phan Thị H3 vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trong 30 ngày với mức lãi suất 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tương đương với mức lãi suất 0,5%/ ngày và tương đương với mức lãi suất 182,5%/ năm. T trừ trước 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền lãi và trừ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chị H3 nợ trước đó, T chuyển khoản bằng số tài khoản 100879999936 Ngân hàng V1 của T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đến số tài khoản 120681869 Ngân hàng VIB của chị H3 và đưa chị H3 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền mặt. Tổng số tiền T đưa cho H3 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tính đến ngày 18/01/2026, T thu của chị H3 số tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngày

21/12/2025, chị H3 đã trả đủ một lần tiền lãi và hiện nay còn nợ Trần Thị T số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi tối đa Trần Thị T được thu theo quy định là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng số tiền lãi Trần Thị T thu được từ chị H3 là 3.000.000 đồng. Vậy, xác định số tiền Trần Thị T thu lợi bất chính đối với khoản vay này là 2.671.233 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba ba đồng)

Như vậy, từ ngày 24/6/2025 đến ngày 30/12/2025, Trần Thị T đã liên tục cho 04 (bốn) người vay tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) với mức lãi suất 182,5%/năm vượt quá 5 lần mức lãi suất được Bộ luật dân sự quy định, qua đó thu 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền lãi, thu lợi bất chính với tổng số tiền 40.068.493 đồng (Bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Ngày 30/12/2025 anh Nguyễn Hồng S gửi đơn trình báo về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của Trần Thị T đến Công an xã D, tỉnh Nghệ An.

Ngày 30/12/2025, Trần Thị T đã đến trụ sở Công an xã D, tỉnh Nghệ An để đầu thú về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-KV3 ngày 11/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 Nghệ An giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 201, khoản 1,2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt tiền bị cáo từ 50 đến 55 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 13/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/2/2021 đến ngày 15/4/2021 tại bản án trên.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp;

01 (Một) cuốn sổ tay, kích thước (10x15) cm, bìa bọc da, trên mặt bìa có in dòng chữ Diary D3-160, đã qua sử dụng chuyển thành tài liệu của vụ án

01 (một) Thẻ sim số thuê bao 0337.719.518 nhà mạng Viettel, trên có in dãy số 898404800 và 0950488703 thu giữ của Trần Thị T không có trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền gốc mà bị cáo Trần Thị T dùng để cho Nguyễn Hồng S vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); cho Phan Thị H3 vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), cho Trần Thị H1 vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và cho Hoàng Thị H2 vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Hiện tại những người này chưa trả

tiền gốc cho bị cáo. Đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội nên phải truy lại tại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi 4.931.507đồng (*Bốn triệu chín trăm ba một nghìn năm trăm linh bảy đồng*) tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội tịch thu sung nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng Bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận. Trong khoảng thời gian từ ngày 24/6/2025 đến ngày 30/12/2025, **Trần Thị T** đã lợi dụng hoạt động cho vay tiền trong giao dịch dân sự để cho các cá nhân vay lãi nặng với mức lãi suất 182,5%/năm (cao gấp hơn 9,1 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm). **Trần Thị T** đã cho **Nguyễn Hồng S**, **Phan Thị H3**, **Trần Thị H1** và **Hoàng Thị H2** mỗi người vay 20.000.000 đồng tổng 04 người vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) để thu số tiền lãi 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền thu lợi hợp pháp **Trần Thị T** được phép thu là 4.931.507đ (Bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng). Như vậy **Trần Thị T** đã thu lợi bất chính tổng số tiền 40.068.493 đồng (Bốn mươi triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) nên phải chịu trách

nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bởi vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có chồng là **Nguyễn Văn V** được nhà nước trao tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Ba ở Lào đây các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng điều 35 của Bộ luật hình sự 2015 phạt tiền bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạm tội trong thời gian thử thách nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại bản án trên.

[5] Về hình phạt bổ sung: không.

[6] Về Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

01 (Một) cuốn sổ tay, kích thước (10x15) cm, bìa bọc da, trên mặt bìa có in dòng chữ Diary D3-160, đã qua sử dụng chuyển thành tài liệu của vụ án.

01 (một) Thẻ sim số thuê bao 0337.719.518 nhà mạng Viettel, trên có in dãy số 898404800 và 0950488703 thu giữ của **Trần Thị T** không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Hồng S**, chị **Phan Thị H3**, chị **Trần Thị H1** và chị **Hoàng Thị H2** đều vắng mặt trong quá trình điều tra bị cáo **Trần Thị T1** đã tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho **Nguyễn Hồng S**, **Phan Thị H3**, **Trần Thị H1** và **Hoàng Thị H2**. Hiện tại không có ai yêu gì thêm nên miễn xét.

Đối với số tiền gốc mà bị cáo **Trần Thị T** dùng để cho **Nguyễn Hồng S** vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); cho **Phan Thị H3** vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), cho **Trần Thị H1** vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và cho **Hoàng**

Thị H2 vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Hiện tại những người này chưa trả tiền gốc cho **Trần Thị T**. Đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội nên phải truy lại tại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung quỹ nhà nước thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi 4.931.507đồng (*Bốn triệu chín trăm ba một nghìn năm trăm linh bảy đồng*) tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là số tiền lãi hợp pháp những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[7]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, Điều 201, khoản 1, 2, Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** 50 (năm mươi) triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo **Trần Thị T** chấp hành hình phạt 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 13/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/2/2021 đến ngày 15/4/2021 tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/ HSST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Xử lý vật chứng và Biện pháp tư pháp: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Thẻ sim số thuê bao 0337.719.518 nhà mạng Viettel, trên có in dãy số 898404800 và 0950488703 thu giữ của **Trần Thị T**.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước tại bị cáo **Trần Thị T** số tiền 4.931.507 đồng (*Bốn triệu chín trăm ba một nghìn năm trăm linh bảy đồng*) liên quan đến hành vi phạm tội.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) liên quan đến hành vi phạm tội mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo, cụ thể:

Anh **Nguyễn Hồng S** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), chị **Phan Thị H3** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), chị **Trần Thị H1** 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và chị **Hoàng Thị H2** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu

đồng).

3. Án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Trần Thị T** phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Trần Thị T** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- VKS Khu vực 3;
- VKS tỉnh Nghệ An
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Danh Hùng

